

Số: 180 /QĐ-BCĐ

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGCD&S ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-BCĐ ngày 09/10/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 44/TTr-STTTT ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc tham mưu Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch hoạt động của BCĐ Chuyển đổi số tỉnh năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTr.Tỉnh ủy, TTr.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh;
- Cục Thuế;
- Cục Thống kê;
- Ngân hàng Nhà nước - CN BRVT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Báo BR-VT, Đài PT&TH tỉnh;
- Lưu: VT, STTTT.

(H)

TRƯỞNG BAN



CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Văn Thọ



KẾ HOẠCH

Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 180 /QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023
của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-BCĐ ngày 09/10/2021 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5406/BTTTT-ČĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023;

Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số năm 2023 theo kế hoạch được ban hành, đảm bảo đúng tiến độ và lộ trình đề ra.

- Tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng về chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; tạo điều kiện để phát triển các nền tảng và dữ liệu số, mang lại những giá trị vững chắc, thực chất phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Trao đổi quan điểm, định hướng, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, đô thị thông minh tại đơn vị. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Yêu cầu

- Xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023 tại đơn vị mình, phân công rõ từng đầu việc, cá nhân thực hiện, thời gian hoàn thành.

- Thường xuyên đôn đốc, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; đặc biệt chú trọng đến xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành; kết nối, chia sẻ phục vụ nhu cầu khai thác và đảm bảo an toàn thông tin; tiếp tục duy trì, đẩy nhanh quá trình thanh toán không dùng tiền mặt trong mọi hoạt động đời sống, lĩnh vực: giáo dục đào tạo, y tế, viễn thông, điện, nước, thương mại,...

- Phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện đồng bộ, đẩy mạnh việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính vào công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp tại đơn vị.

- Hoàn thành các chỉ tiêu theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số năm 2023; đặc biệt là nhiệm vụ giao tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “*Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động*”.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Năm 2023 là năm dữ liệu số quốc gia vì dữ liệu số, kết nối số, chia sẻ dữ liệu số là huyết mạch của chuyển đổi số, tỉnh đặt ra các mục tiêu như sau:

- Tiếp tục thực hiện, triển khai các nhiệm vụ để đạt được mục tiêu theo Nghị quyết 02-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính.

- Ưu tiên nguồn lực để đạt được các chỉ tiêu quan trọng thuộc các Chương trình, Chiến lược của Quốc gia về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đưa ứng dụng công nghệ số và dữ liệu số để cải tiến, thay đổi quy trình tác nghiệp của cơ quan nhà nước nhằm đổi mới phương thức phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; đảm bảo công khai, minh bạch trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Phần đầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc top 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về mức độ chuyển đổi số.

Các nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, phân công thành viên Ban Chỉ đạo theo dõi, chỉ đạo được trình bày chi tiết tại Phụ lục I, II (kèm theo), trong đó một số nội dung trọng tâm như sau:

1. Phát triển Chính quyền số

a) Chỉ tiêu cụ thể

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 50% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 30% thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công; 60% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 100% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương;

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 50% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa;

- Phần đầu 100% hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến.

- Phần đầu trên 10% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Phần đầu trên 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Phần đầu trên 80% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

- Phần đầu trên 30% hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tín nhiệm mạng.

- 100% xã, phường, thị trấn có trang thông tin điện tử (hoặc chuyên mục riêng)

- 100% cán bộ, công chức lãnh đạo sử dụng trợ lý ảo, khai thác dữ liệu từ Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC) qua tài khoản được cấp.

- 100% các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến;

- 100% phản ánh, kiến nghị của người dân tiếp nhận trên hệ thống phản ánh hiện trường được xử lý đúng tiến độ, kịp thời.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Rà soát, ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.

- Xây dựng, ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.

- Hoàn thành cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).

- Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

- Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý như duy trì, hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm, hệ thống thông tin hiện có của tỉnh; tập trung xây dựng, triển khai các phần mềm, hệ thống thông tin chuyên ngành còn thiếu; chú trọng tạo lập dữ liệu, số hóa dữ liệu chuyên ngành: số hóa tài liệu lưu trữ không ở định dạng điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; cơ sở dữ liệu ngành Tài chính.

- Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến như ban hành Quyết định giao chỉ tiêu thực hiện DVCTT.

- Hoàn thành triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử.

- Ban hành kế hoạch triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân.

- Triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý để thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ Chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống.

- Triển khai ứng dụng biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí thủ tục hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng lưới, dịch vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Đề án đã được phê duyệt; tiếp tục thực hiện kế hoạch thuê Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CALLBOT giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh; Xây dựng Kho dữ liệu số của tỉnh (giai đoạn 1); Triển khai ứng dụng Zalo để thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính.

2. Phát triển kinh tế số

a) Chỉ tiêu cụ thể

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm 16% GRDP.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ chiếm tỷ lệ trên 8,5%.

- Phấn đấu trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số.

- Phần đầu trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

- Duy trì 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.

- 50% doanh nghiệp nhỏ và vừa có website với tên miền .vn.

- 50% sản phẩm có giấy chứng nhận OCOP của tỉnh đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử; 85% tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử (có gian hàng).

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số thuộc phạm vi quản lý.

- Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý.

- Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy sử dụng nền tảng hợp đồng lao động điện tử trong doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng lao động.

- Đẩy mạnh số hóa điểm đến du lịch bằng mã QR (155 điểm).

3. Phát triển xã hội số

a) Chỉ tiêu cụ thể

- Phần đầu 100% thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh.

- Phần đầu 100% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.

- 30% dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử. Đến cuối năm 2023, phần đầu đạt 50%.

- Phần đầu trên 20% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- Phần đầu 90% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.

- Phần đầu trên 60% dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến.

- Phần đầu trên 30% dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

- Phần đầu 90% dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử. Đến cuối năm 2023, phần đầu đạt 95%.

- 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học đang hoạt động đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học đã tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo.

- Phần đầu 100% hộ gia đình trên toàn tỉnh được lắp đặt công tơ điện tử loại tự động gửi chỉ số điện.

- Phần đầu 100% trường học các cấp triển khai ký số trên học bạ điện tử.

- Phần đầu 100% thanh toán hóa đơn viễn thông, truyền hình không dùng tiền mặt.

- Phần đầu 80% thanh toán hóa đơn nước không dùng tiền mặt.

- 70% các siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiêu thương,... chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- 70% số người hưởng lương hưu, trợ cấp sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà về kỹ năng số (MOOCS) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia.

- Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng khu công nghiệp.

- Chuyển đổi thư viện truyền thống sang thư viện điện tử.

4. Phát triển đô thị thông minh và triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân

4.1. Phát triển Đô thị thông minh

a) Mục tiêu cụ thể

Trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 thông qua Đề án phát triển đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2020-2022, định hướng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư đối với việc xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư đối với việc xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư đối với việc xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý giáo dục thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh, tài nguyên môi trường thông minh, giao thông thông minh, an ninh trật tự...

4.2 Triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân

a) Mục tiêu cụ thể

100% Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư để triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân và nhu cầu quản lý đô thị, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp với Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) của tỉnh.

b) Giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm

- Đầu tư, đảm bảo hạ tầng thiết bị, hệ thống mạng (WAN) và bảo mật phục vụ giám sát, điều hành với quy mô phù hợp với nhu cầu, phạm vi đầu tư của địa phương đối với các ứng dụng, tiện ích thông minh (không trùng lặp với hệ thống hạ tầng cơ sở thông tin được đầu tư chung phục vụ toàn tỉnh).

- Đầu tư hệ thống camera tại địa phương nhằm giám sát tình hình an ninh trật tự, an toàn giao thông (được rà soát chi tiết khi triển khai dự án đầu tư và có ý kiến thống nhất của Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải nhằm tránh trùng lặp).

- Triển khai hệ thống wifi miễn phí tại các điểm công cộng của các địa phương nhằm phục vụ người dân và gắn với tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Đầu tư trang thiết bị thông minh (thiết bị IoT) để triển khai ứng dụng, tiện ích phục vụ quản lý đô thị tại địa phương, cụ thể như: giám sát môi trường, quản lý hệ thống chiếu sáng, cây xanh, cảnh báo ngập, cảnh báo ao xoáy/dòng rip, cảnh báo sét sớm,... Các ứng dụng, tiện ích đảm bảo không trùng lặp với các hệ thống quản lý chuyên ngành do các sở, ngành triển khai, đồng thời kết nối, đồng bộ với Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) tỉnh.

5. Nhiệm vụ khác

- Phân đấu đứng vào nhóm 15/63 tỉnh, thành phố thứ hạng về chỉ số chuyên đổi số (DTI) do Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá và công bố.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tham dự hội thảo, hội nghị về Chính phủ điện tử, chuyển đổi số, đô thị thông minh, công nghệ thông tin, an toàn thông tin do Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Tổ chức sự kiện hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10); hội nghị, hội thảo về an toàn thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

III. KINH PHÍ

1. Kinh phí triển khai các nhiệm vụ: được bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách các địa phương năm 2023 và các nguồn khác theo đúng các quy trình, thủ tục hiện hành.

2. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo năm 2023: được giao theo Quyết định số 3868/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đã được Sở Tài chính thẩm định và cấp về Sở Thông tin và Truyền thông quản lý để thực hiện các nội dung:

- Tổ chức các cuộc họp Ban Chỉ đạo;
- Tổ chức các sự kiện hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10.
- Tham dự, tổ chức hội nghị, hội thảo, học tập kinh nghiệm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, đô thị thông minh;
- Hoạt động kiểm tra, trao đổi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo - Sở Thông tin và Truyền thông

- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, đánh giá và đề xuất các giải pháp đẩy mạnh việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này.
- Định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch cho Ban Chỉ đạo, kịp thời đề xuất Trưởng ban những vấn đề phát sinh để xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động.

2. Thành viên Ban Chỉ đạo

- Phối hợp trong công tác chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này (*chi tiết tại Phụ lục I, II*).
- Chủ động đề xuất với Trưởng ban (hoặc cơ quan thường trực) về những nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành, địa phương.
- Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc quá trình triển khai các nội dung về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh gắn với cải cách hành chính của ngành, lĩnh vực mình phụ trách. Kịp thời báo cáo Trưởng ban (hoặc cơ quan thường trực) khi có phát sinh khó khăn, vướng mắc.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương

- Chủ động rà soát các nhiệm vụ chuyển đổi số theo hướng dẫn của bộ, ngành và tại Kế hoạch này; xây dựng hoặc lồng ghép vào các chương trình, nhiệm vụ của sở, ban, ngành, địa phương trong năm 2023.

- Chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được giao nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm chuyển đổi số theo Kế hoạch đề ra (*chi tiết tại Phụ lục I, II*).

4. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này chủ động tham mưu, đề xuất, chuẩn bị tài liệu, nội dung phục vụ cho cuộc họp trong năm của Ban Chỉ đạo.

- Xây dựng báo cáo, nội dung, chương trình làm việc của Ban Chỉ đạo để tổ chức các cuộc họp, sự kiện liên quan đến nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh của tỉnh.

- Đề xuất các phương án và hoạt động của Ban Chỉ đạo dựa trên nội dung của Kế hoạch này.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này./.

PHỤ LỤC I

DANH MỤC CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 180 /QĐ-BCĐ ngày 26 / 6 /2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)



Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBQG năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
I	CHÍNH QUYỀN SỐ							
1.	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành, địa phương	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	100%	100%	100%	
2.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	29,2%	40%	50%	
3.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/ Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	-	30%	30%	Chỉ tiêu UBQG giao trong 2023. Chỉ tiêu 2022 của tỉnh chuyển sang.
4.	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh/ Cổng Dịch vụ công quốc gia.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo: VP UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông	-	60%	60%	
5.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	100%	100%	100%	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBQG năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
	xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương							
6.	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	VP UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo VP UBND tỉnh	100%	100%	100%	
7.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến từ xa	Các sở ban ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	-	50%	50%	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được thực hiện trực tuyến từ xa được tính trên tổng số hồ sơ thực hiện trực tuyến.
8.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp thực hiện trực tuyến	Các sở ban ngành, địa phương	Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh	96%	-	100%	
9.	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	10%	10%	
10.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi	Các sở, ban, ngành, địa	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và	-	50%	50%	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBQG năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
	dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	phương		Truyền thông				
11.	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	13%	80%	80%	
12.	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	3,2%	30%	30%	
13.	Tỷ lệ công/trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và dán nhãn tin nhiệm mạng.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	72%	100%	100%	
14.	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trang thông tin điện tử (hoặc chuyên mục riêng)	UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	23%	-	100%	Chỉ tiêu 2022 chuyển sang. Hoàn thành trong quý II/2023
15.	Tỷ lệ cán bộ, công chức lãnh đạo sử dụng trợ lý ảo, khai thác dữ liệu từ Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh của tỉnh (IOC) qua tài khoản được cấp	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	18,82%	-	100%	
16.	Tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được triển khai	Sở Thông tin và Truyền	Các sở, ban, ngành, địa	Lãnh đạo Sở Thông tin và	30%	-	100%	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo đối, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBQG năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	thông	phương	Truyền thông				
17.	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị của người dân tiếp nhận trên hệ thống phản ánh hiện trường được xử lý đúng tiến độ, kịp thời	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	15,2%	-	100%	
II	KINH TẾ SỐ							
1.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	16%	16%	
2.	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Sở Công thương	-	8,5%	8,5%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBQG giao trong 2023
3.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	90%	90%	
4.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	-	30%	30%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBQG giao trong 2023
5.	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Cục Thuế	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Cục Thuế	100%	-	100%	Tiếp tục duy trì chỉ tiêu được UBQG

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBQG năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
6.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có website với tên miền .vn	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	36%	-	50%	Chỉ tiêu 2022 của tỉnh chuyển sang.
7.	Tỷ lệ sản phẩm có giấy chứng nhận OCOP của tỉnh đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	28%	-	50%	Chỉ tiêu mới của tỉnh vì đây là chỉ tiêu thành phần liên quan đến xã nông thôn mới nâng cao.
8.	Tỷ lệ hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử (có gian hàng)	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	70,3%	-	85%	Tiếp tục duy trì chỉ tiêu trong 2023.
III	XÃ HỘI SỐ							
1.	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông, Sở LĐT&XH, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	97,3%	80%	100%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBQG giao trong 2023
2.	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông; UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	98,02%	85%	100%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBQG giao trong 2023
3.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử	Công an tỉnh	UBND cấp huyện	Lãnh đạo Công an tỉnh	11,13%	30%	30% - 50%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBQG giao trong 2023

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo đối, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBND năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
4.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	20%	20%	
5.	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	Ngân hàng Nhà nước	Các sở, ban, ngành, địa phương	Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước	84,01%	75%	90%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBND giao trong 2023.
6.	Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	-	60%	60%	
7.	Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông	Lãnh đạo Sở Y tế	-	30%	30%	
8.	Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Y tế	85%	80%	90% - 95%	Chỉ tiêu 2022 tiếp tục được UBND giao trong 2023
9.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng, cơ sở giáo dục đại học đang hoạt động đào tạo các trình độ cao đẳng, đại học đã tiến hành rà soát các chương trình đào tạo để xem xét bổ sung, lồng ghép nội dung, chuẩn đầu ra về dữ liệu lớn, thiết kế, phân tích, xử lý dữ liệu phù hợp với đặc thù tương ứng của từng ngành, nghề đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và XH	Các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh	Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và XH	-	100%	100%	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Phân công thành viên BCD theo dõi, chỉ đạo	Hiện trạng của tỉnh đến tháng 5/2023	Chỉ tiêu của UBQG năm 2023	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2023	Ghi chú
10.	Tỷ lệ hộ gia đình trên toàn tỉnh được lắp đặt công tơ điện từ loại tự động gửi chỉ số điện	Sở Công thương	Điện lực tỉnh, UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Công thương	81%	-	100%	Chỉ tiêu của tỉnh 2022, tiếp tục thực hiện trong 2023.
11.	Tỷ lệ trường học các cấp triển khai ký số trên học bạ điện tử	Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông;	Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo	45%	-	100%	Chỉ tiêu của tỉnh năm 2022 đã hoàn thành, tiếp tục thực hiện trong 2023.
12.	Thanh toán hóa đơn viên thông, truyền hình không dùng tiền mặt	Sở Thông tin và Truyền thông	Doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp; UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông	83%	-	100%	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang.
13.	Thanh toán hóa đơn nước không dùng tiền mặt	Sở NN&PTNT	Công ty Cấp nước; Trung tâm nước sạch; UBND cấp huyện	Lãnh đạo Sở NN&PTNT	69,5%	-	80%	
14.	Thúc đẩy các siêu thị, nhà hàng, trung tâm mua sắm, tiêu thương,... chấp nhận phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	UBND cấp huyện	Ngân hàng Nhà nước, Sở Công thương	Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước, Sở Công thương	-	-	70%	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
15.	Số người hưởng lương hưu, trợ cấp sử dụng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt	Sở LĐTB&XH	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Lãnh đạo Sở LĐTB&XH	38%	-	60-70%	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BCĐ ngày /2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	Chỉ số DTI của tỉnh trong nhóm 15 tỉnh/thành phố dẫn đầu	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương		Bộ TT&TT đang thực hiện đánh giá chỉ số DTI năm 2022.
I	CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Rà soát, ban hành danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và kế hoạch, lộ trình cụ thể để xây dựng, triển khai các cơ sở dữ liệu trong danh mục.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023
2	Xây dựng, ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý và mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch; cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023
3	Hoàn thành cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023
4	Tiên phong trong việc tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Tháng 9/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023.
5	Triển khai chức năng kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023
6	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực phát triển và quản trị dữ liệu thuộc phạm vi quản lý như duy trì, hoàn thiện, nâng cấp các phần mềm, hệ thống thông tin hiện có của tỉnh; tập	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, địa	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý III/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023. Tiếp tục triển khai

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	<p>trung xây dựng, triển khai các phần mềm, hệ thống thông tin chuyên ngành còn thiếu; chú trọng tạo lập dữ liệu, số hóa dữ liệu chuyên ngành: số hóa tài liệu lưu trữ không ở định dạng điện tử tại Lưu trữ lịch sử tỉnh; cơ sở dữ liệu ngành Tài chính.</p>	phương			nhiệm vụ 2022 chuyển sang
7	<p>Triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến như ban hành Quyết định giao chỉ tiêu thực hiện DVCTT.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023.
8	<p>Hoàn thành triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trên cơ sở hợp nhất Công dịch vụ công và hệ thống Một cửa điện tử.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Thường xuyên	Nhiệm vụ của UBND giao 2023. Tình đã hoàn thành việc hợp nhất trong năm 2022 và đang tiếp tục duy trì vận hành.
9	<p>Ban hành kế hoạch triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phục vụ người dân.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023
10	<p>Triển khai kết nối với hệ thống thông tin của đối tượng quản lý đề thu thập dữ liệu trực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật như kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư (Đề án 06) với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.</p>	Các sở, ban, ngành, địa phương	Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông	Quý I/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023
11	<p>Bổ sung chức năng, nhiệm vụ tham mưu về chuyển đổi số cho Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn tương ứng ở cấp huyện. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công nghệ thông tin ở từng cơ quan, đơn vị để đảm bảo lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Nội vụ	Quý IV/2023	Nhiệm vụ năm 2022 chuyển sang.
12	<p>Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình triển khai nhiệm vụ Chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.</p>	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa	Quý II-III/2023	

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
13	Phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại cấp xã, khu phố, thôn, ấp nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng công nghệ số, đưa công nghệ số vào mọi ngõ ngách cuộc sống.	UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Hàng tháng	Nhiệm vụ 2022 đã hoàn thành, tiếp tục thực hiện 2023.
14	Triển khai ứng dụng biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí thủ tục hành chính để phục vụ người dân, doanh nghiệp.	Cục thuế	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	
15	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	
16	Chuyển đổi IPv6 trong hạ tầng mạng lưới, dịch vụ của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Đề án đã được phê duyệt	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý III/2023	
17	Tiếp tục thực hiện kế hoạch thuế Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	
18	Xây dựng, triển khai hệ thống Tổng đài tự động CALLBOT giải đáp các thủ tục hành chính công của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
19	Xây dựng Kho dữ liệu số của tỉnh (giai đoạn 1)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
20	Triển khai ứng dụng Zalo để thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý IV/2023	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
II	KINH TẾ SỐ				
1	Ban hành và tổ chức triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý	Nhiệm vụ của UBND

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	xã hội số thuộc phạm vi quản lý.	Truyền thông	ngành, địa phương	III/2023	giao 2023.
2	Triển khai các hoạt động thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục, y tế thuộc phạm vi quản lý.	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở LĐTB&XH	Các sở, ban, ngành, địa phương	Quý II/2023	Nhiệm vụ của UBND giao 2023.
3	Thúc đẩy phát triển không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương	Ngân hàng Nhà nước	Hàng tháng	
4	Thúc đẩy sử dụng nền tảng hợp đồng lao động điện tử trong doanh nghiệp và các tổ chức sử dụng lao động	Sở LĐTBXH; Ban các QLKC; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Công thương, VCCI, Hiệp hội SME, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện	12/2023	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
5	Đẩy mạnh số hóa điểm đến du lịch bằng mã QR (155 điểm)	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý II/2023	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
III	XÃ HỘI SỐ				
1	Triển khai Nền tảng học trực tuyến mở đại trà về kỹ năng số (MOOCS) phù hợp với Khung kỹ năng số quốc gia	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, địa phương	Theo chương trình của Bộ TT&TT	
2	Thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng khu công nghiệp.	Ban Quản lý các KCN	Chủ hạ tầng quản lý các Khu công nghiệp; Các sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2023	
3	Chuyển đổi thư viện truyền thông sang thư viện điện tử	Sở Văn hóa và Thể thao	Thư viện tỉnh; UBND cấp huyện	Quý IV/2023	Nhiệm vụ 2022 chuyển sang
IV	PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH VÀ TRIỂN KHAI CÁC ỨNG DỤNG, TIỆN ÍCH THÔNG MINH PHỤC VỤ				

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	NGƯỜI DẪN				
1.	Xây dựng, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật ICT sẵn sàng, đủ điều kiện tối thiểu cho phát triển các dịch vụ đô thị thông minh (giai đoạn 1).	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
2.	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành Đô thị thông minh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
3.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý giáo dục thông minh (giai đoạn 1)	Sở GD&ĐT	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
4.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý y tế thông minh (giai đoạn 1)	Sở Y tế	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
5.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý tài nguyên, môi trường thông minh (giai đoạn 1)	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
6.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích quản lý và hỗ trợ du lịch thông minh (giai đoạn 1)	Sở Du lịch	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
7.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý giao thông (giai đoạn 1)	Sở Giao thông Vận tải	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
8.	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý, giám sát xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông và đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội (giai đoạn 1)	Công an Tỉnh	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
9.	Xây dựng hệ thống quản lý điều hành đô thị thông minh thành phố Vũng Tàu	UBND thành phố Vũng Tàu	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023
10.	Triển khai các ứng dụng, tiện ích thông minh phục vụ người dân và nhu cầu đô thị đặc thù tại địa phương.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở KH&ĐT	2023	Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục đầu tư trong năm 2023